

## LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

### QUYỂN 34

#### Địa Thứ 13 : Địa Thanh Văn Phần 14: Xứ Du Già Thứ 4 : Đoạn 2

Như vậy là đã biện giải về phần đi đến đạo thế gian. Nếu vui thích đi tới đạo xuất thế gian, cần phải nương dựa nơi cảnh của Bốn Thánh đế, dần dần sinh khởi bảy thứ tác ý. Đó là, đầu tiên là tác ý biết rõ về tướng, sau cùng là tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh, cho đến chứng đắc quả A-la-hán, tu Du già sư, đối với giáo pháp tăng thượng đã lược nêu, biện giải rộng của Bốn Thánh đế, lắng nghe, thọ trì. Hoặc nơi tác ý đã khéo tu tập. Hoặc đạt được Tĩnh lực căn bản, vô sắc. Do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của Khổ đế, tức là hành vô thường, hành khổ, hành không, hành vô ngã. Do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của Diệt đế, đó là hành diệt, hành tĩnh, hành diệu, hành lìa. Do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của Đạo đế, đó là hành đạo, hành như, hành hành, hành xuất. Như vậy gọi là tác ý biết rõ về tướng.

Do mười thứ hành quán xét về Khổ đế, có thể tùy thuận ngộ nhập nơi bốn hành của Khổ đế. Những gì là mười? Đó là:

1. Hành biến dị.
2. Hành diệt hoại.
3. Hành biệt ly.
4. Hành pháp tánh.
5. Hành hội họp.
6. Hành trói buộc.
7. Hành không đáng yêu thích.
8. Hành không an ổn.
9. Hành không đạt được.
10. Hành không tự tại.

Mười hành như vậy, dựa nơi đạo lý chứng thành, nên có thể quán xét đúng. Ở đây lại dựa vào lý của Chí giáo lượng. Như Đức Thế Tôn nói: Các hành vô thường.

Lại, các hành này lược có hai loại:

1. Hữu tình thế gian.
2. Khí thế gian.

Đức Thế Tôn đã dựa vào hữu tình thế gian ấy để thuyết giảng như vậy: Bí-sô nên biết! Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường để thấy rõ các hữu tình lúc tử lúc sinh, nói rộng cho đến sau khi mạng chung, sẽ sinh vào nẻo thiện nơi thế giới người, trời. Do pháp môn ấy ấy đã hiển bày Đức Thế Tôn, do thiên nhãn thanh tịnh nên hiện thấy tất cả hữu tình thế gian, tánh là vô thường.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Khí thế gian này an trụ trong thời gian dài, vượt quá thời kỳ ấy trở về sau, dần dần cho đến bảy vầng mặt trời xuất hiện như nơi kinh Thất Nhật đã nói rộng cho đến các ngọn núi, biển cả của đại địa hiện có, cùng núi chúa đại bảo Tô-mê-lô, cho đến các khí thế giới của Phạm thế đều bị thiêu đốt. Hỏa tai diệt rồi, sau đấy tro tàn không hiện, cho tới các hình ảnh còn lại cũng không thể có được. Do pháp môn này, nên Đức Thế Tôn đã hiển bày các khí thế gian tánh là vô thường.

Như vậy là lại dựa nơi lý của Chí giáo lượng (Thánh giáo lượng), người tu hành Quán, với lực tác ý tăng thượng của niềm tin thanh tịnh, nên đối với tánh của tất cả hành vô thường, đạt được quyết định. Đạt được quyết định rồi, tức do lực tác ý tăng thượng của niềm tin thanh tịnh như vậy, nên thường xuyên tầm tư quan sát, hiện thấy tánh của vô thường không chống trái, không do duyên khác.

Thế nào là thường xuyên tầm tư quan sát? Đó là trước hết an lập hai sự trong ngoài.

Nói sự bên trong: Tức là sáu xứ.

Nói sự bên ngoài: Tức có mười sáu thứ:

1. Sự của đất: Tức như thành ấp xóm làng, nhà cửa chợ búa..
2. Sự của vườn: Nghĩa là cỏ thuốc, rừng rậm..
3. Sự của núi: Nghĩa là vô số núi hiện hữu sai biệt.
4. Sự của nước: Tức là các sông suối, ao hồ, đầm, rạch...
5. Sự tạo nghiệp.
6. Sự của kho tàng.
7. Sự ăn.
8. Sự uống.

9. Sự xe cộ.
10. Sự y phục.
11. Sự của vật dụng trang sức.
12. Sự ca múa vui vẻ.
13. Sự trang sức bằng hương xoa, xông.
14. Sự của vật dụng nuôi sống.
15. Sự của các thứ ánh sáng.
16. Sự của các nam nữ thừa hành.

Như vậy gọi là mười sáu thứ sự bên ngoài.

An lập các sự trong ngoài như vậy rồi, lại đối với các sự ấy hiện thấy lực tác ý tăng thượng, do hành biến dị, tầm tư quan sát về tánh vô thường. Ở đây, sự bên trong có mười lăm thứ tạo nên biến dị, cùng có tám thứ nhân duyên biến dị.

Thế nào là sự bên trong có mười lăm thứ tạo nên biến dị? Đó là:

1. Biến dị do phần vị tạo nên.
2. Biến dị do hiển sắc tạo nên.
3. Biến dị do hình sắc tạo nên.
4. Biến dị do hưng suy tạo nên.
5. Biến dị do các chi phần đầy đủ không đầy đủ tạo nên.
6. Biến dị do lao nhọc tạo nên.
7. Biến dị do sự tổn hại của kẻ khác tạo nên.
8. Biến dị do lạnh nóng tạo nên.
9. Biến dị do oai nghi tạo nên.
10. Biến dị do xúc đối tạo nên.
11. Biến dị do tạp nhiễm tạo nên.
12. Biến dị do bệnh tật tạo nên.
13. Biến dị do chết chóc tạo nên.
14. Biến dị do máu ứ bầm xanh v.v... tạo nên.
15. Biến dị do tất cả diệt tận không hiện tạo nên.

Thế nào là tám thứ nhân duyên biến dị? Đó là:

1. Thời gian tích tập, nuôi trữ.
2. Do kẻ khác tổn hại.
3. Thọ dụng hao tổn.
4. Thời tiết biến đổi.
5. Bị lửa thiêu đốt.
6. Bị nước cuốn trôi.
7. Bị gió thổi bay.
8. Gặp phải duyên dị biệt.

Thời gian tích tập, nuôi trữ: Nghĩa là các pháp có sắc, tuy ở nơi chốn tốt, được sắp đặt, gìn giữ, nhưng vì trải qua thời gian lâu, tự nhiên hư hoại về sắc, dẫn đến suy tổn, biến dị.

Do kẻ khác tổn hại: Tức vô số sắc pháp hoặc bị các kẻ khác đánh đập, phá phách, gây tổn hại, khiến vô số hình sắc biến dị.

Thọ dụng hao tổn: Tức đều riêng thuộc về chủ với vô số sắc vật, do sức tăng thượng của người thọ dụng nên tổn giảm, biến dị.

Thời tiết biến đổi: Tức như về mùa thu, đông: rừng rậm, cỏ thuốc, hoa lá, quả đều vàng úa, rơi rụng. Về mùa xuân, hạ: thì cành lá hoa trái xanh tươi, um tùm.

Bị lửa thiêu đốt: Nghĩa là lửa lớn cháy tràn, thiêu đốt làng xóm, thôn ấp v.v... chỉ còn là tro tàn.

Bị nước cuốn trôi: Nghĩa là nước lớn dâng khắp, khiến xóm làng, thôn ấp, thành nước, vương đờ đều chìm ngập, cuốn trôi.

Bị gió thổi bay: Tức gió lớn thổi mạnh, thổi bay y phục, các thứ lúa mạ, hoa màu, rừng rậm xác xơ, khô héo.

Gặp phải duyên dị biệt: Nghĩa là duyên nơi xúc của lạc thọ, lúc thọ nhận lạc thọ thì gặp phải xúc của khổ thọ. Duyên nơi xúc của khổ thọ, lúc thọ nhận khổ thọ thì gặp phải xúc của lạc thọ. Duyên nơi xúc của không khổ không lạc thọ, khi thọ nhận không khổ không lạc thọ, thì gặp phải xúc của lạc thọ hoặc xúc của khổ thọ.

Lại, như kẻ có tham gặp phải sân, duyên nơi triền tham đã dứt bỏ, phát khởi triền sân. Như thế, kẻ có sân si gặp phải phần phiền não khác, sinh duyên, nên biết cũng vậy. Như thế, nhãn thức đang hiện tiền, gặp phải cảnh của thanh, hương, vị, xúc. Cảnh khác, duyên khác, khởi phần thức khác, ngoài ra, tất cả như lý nên biết. Đó gọi là tám thứ nhân duyên biến dị.

Hết thấy các pháp có sắc, không sắc, hiện có biến dị, đều do tám thứ nhân duyên như vậy. Trừ trường hợp này thì lại không có gì hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

Thế nào là tâm tư về sự bên trong, biến dị do phần vị tạo nên, là tánh vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hoặc tự mình, hoặc nơi kẻ khác, từ phần vị niên thiếu cho đến phần vị già nua, các hành nối tiếp, trước sau sai biệt, cùng không tương tự. Thấy sự ấy rồi, liền khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì phần vị bên trong ấy, trước sau biến dị, hiện có thể đạt được.

Thế nào là tâm tư về sự bên trong, biến dị do hiển sắc tạo nên, là tánh vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, trước có sắc

đẹp, da dẻ tươi mịn, sau thấy sắc xấu, da dẻ khô nhăn... Thấy sự ấy rồi liền khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì hiển sắc bên trong ấy, trước sau biến dị, hiện có thể đạt được.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do hình sắc tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là như đã nói về hiển sắc. Như thế, hình sắc do mập ốm v.v... nên biết cũng vậy.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do hưng suy tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, thời trước quyền thuộc, tài sản, địa vị, hoặc thấy thấy đều hưng thịnh. Sau thấy tất cả thấy đều suy tổn. Về sau, lại thấy hưng thịnh. Thấy sự ấy rồi, liền khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì hưng suy biến dị hiện có thể đạt được.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do các chi phần tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là, do quán thấy hoặc tự hoặc tha, thời trước các chi phần nơi thân tướng không có thiếu, giảm. Thời sau quán thấy các chi phần có thiếu, giảm. Hoặc do vua quan tạo nên. Hoặc do giặc tạo nên. Hoặc do người, phi nhân tạo nên. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy nghĩ: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do lao nhọc tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, thân tánh mệt mỏi, thân tánh cực nhọc, do đủ thứ hành tác tạo nên. Lại vào lúc khác thấy kẻ ấy xa lìa mọi sự mệt mỏi, cực nhọc. Thấy sự ấy rồi, liền khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do sự tổn hại của kẻ khác tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, do kẻ khác tổn hại khiến thân biến dị, hoặc do đao gậy, roi đòn, giáo mác hủy hoại. Hoặc do vô số ruồi muỗi, rắn rít, các thứ xúc ác độc gây tổn hại. Lại vào lúc khác, thấy không biến dị. Thấy sự ấy rồi liền khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do lạnh nóng tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, vào thời đang lạnh lẽo, thân không thư thái, co ro run rẩy, bị cái lạnh cóng vây bức, mong gặp lúc ấm áp. Nơi thời đang nóng bức, thân thể như phơi bày, thân động lời khô, mồ hôi nhễ nhại, nóng khát vây bức, mong gặp khi mát mẻ. Lại tới thời lạnh, lại thấy như trước. Thấy sự ấy rồi, liền khởi

suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do oai nghi tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, khi đi đứng ngồi nằm, tùy theo một oai nghi, hoặc lúc bị tổn hại, hoặc lúc được lợi ích. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại như trước đã nói.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do xúc đối tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do xúc đối thuận với xúc của lạc thọ, lãnh nhận lạc xúc, lúc duyên nơi chỗ sinh lạc, tự có thể phân biệt nhận rõ phần vị của lạc thọ, thì phân biệt nhận rõ phần vị của khổ thọ, phần vị của không khổ không lạc thọ, nên biết cũng vậy. Hành giả do phân biệt nhận biết các thọ trước sau biến dị như vậy, là tánh luôn thay đổi, chẳng phải là tánh như cũ, hoặc tăng hoặc giảm tạm thời mà có, đột nhiên hiện tiền, tức thì biến dị. Biết sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự bên trong, biến dị do tạp nhiễm tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về chỗ sinh khởi ở trước, hoặc có tâm tham, hoặc lìa tâm tham, hoặc có tâm sân, hoặc lìa tâm sân, hoặc có tâm si, hoặc lìa tâm si. Lại có thể nhận biết rõ, tùy mỗi mỗi thứ tùy phiền não đã làm nhiễm ô tâm. Lại có thể nhận biết rõ, theo mỗi mỗi thứ tùy phiền não không làm nhiễm ô tâm. Lại có thể nhận biết rõ tâm ấy nối tiếp, do các phiền não và tùy phiền não, nơi phần vị trước sau hưởng nhập tánh biến hoại không biến hoại. Thấy sự ấy rồi, liền khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì tâm do tạp nhiễm tạo nên biến dị hiện có thể thấy được.

Thế nào là quan sát về sự bên trong, biến dị do bệnh tật tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, trước không bệnh tật, khỏe mạnh, an vui. Thời sau xem thấy, hoặc tự hoặc tha, gặp bệnh khổ nặng, xúc đối mãnh liệt, thân thọ các khổ, như trước đã nói rộng. Lại vào lúc khác, lại thấy không bệnh, khỏe mạnh, an vui. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự bên trong, biến dị do chết chóc gây nên, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hiện thời còn sống, an trụ, cố sức ứng phó. Lại vào lúc khác, xem thấy tử vong, chỉ còn thi hài, tâm thức vắng bật. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự bên trong, biến dị do máu ứ bầm xanh v.v... tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy, chết rồi thì thi hài, hoặc vào một lúc ở phần vị bầm xanh, hoặc vào một lúc ở phần vị máu mủ thối rữa, như vậy cho đến phần vị xương khô nát vụn. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự bên trong, biến dị do tất cả diệt tận không hiện tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, vào thời khác, thi hài kia với phần vị xương khô nát vụn ấy cũng lại không hiện, thấy đều hủy hoại, tan lìa khắp chốn, mất không thể thấy. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì sắc tướng như thế là thường xuyên chuyển đổi, trước sau biến dị, hiện có thể biết được.

Như thế là lại dựa vào sức tác ý tăng thượng của việc hiện thấy, có mười lăm thứ hành quan sát về sự bên trong, với vô số biến dị, tánh là vô thường. Quan sát như vậy rồi, lại quan sát về mười sáu sự bên ngoài với vô số biến dị, tánh là vô thường.

Thế nào là quan sát về sự của đất, biến dị, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy nơi chốn của đất ấy, trước chưa tạo lập các thứ đền chùa, nhà cửa, chợ búa, tường thành v.v... Sau lại thấy mới tạo dựng, khéo xây, khéo trang hoàng. Lại vào thời gian khác, thấy chúng bị hư hoại, nứt đổ, bể sập, hoặc bị lửa thiêu đốt, hoặc bị nước cuốn trôi. Thấy sự ấy rồi liền khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì các sắc tướng như vậy, trước sau chuyển biến, hiện có thể thấy được.

Thế nào là quan sát về sự của vườn cây biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là trước quán thấy nơi các vườn cây, cỏ thuốc, rừng rậm, cành lá hoa quả thấy đều tươi tốt, um tùm, đủ màu đủ sắc, rất đáng yêu thích. Về sau, lại thấy cảnh vật ấy khô héo, hoa quả không có, cành lá rơi rụng, bị lửa đốt cháy, bị nước cuốn trôi. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự của núi biến dị, tánh là vô thường? Đó là vào một thời gian, quán thấy núi kia cây cối sầm uất, đá cao lởm chởm. Lại vào một thời khác, thấy cây cối nơi núi kia khô héo tàn tạ, chỉ còn đá dựng, mọi chỗ rậm rạp cao thấp đã bị lửa đốt cháy sạch. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự của nước biến dị, tánh là vô thường? Đó là, một thời trước thấy các dòng sông, suối, hồ ao, giếng v.v... nước dâng tràn ngập, chảy xiết, sóng vỗ. Một thời về sau, lại thấy chúng đều khô cạn. Thấy sự ấy rồi, liền dấy khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự tạo nghiệp biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là một thời về trước, thấy vô số các nghề nghiệp vụ lợi, chăn nuôi, làm nông, kỹ nghệ, chèo thuyền, chánh luận v.v... thấy các ngành nghề kia thấy đều suy tổn. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự của kho tàng biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy vô số kho tàng, một thời thì chứa đầy, một thời thì trống rỗng. Thấy sự ấy rồi liền dấy khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự ăn uống, biến dị, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy vô số sự ăn uống, một thời chưa xong xuôi, một thời đã xong xuôi. Một thời vào miệng được răng nhai nuốt thuận hợp. Một thời vào bụng dần dần tiêu hóa. Một thời biến thành phân dơ thải ra ngoài. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự xe cộ biến dị, tánh là vô thường? Đó là vào một thời, thấy các thứ xe cộ mới, đẹp, trang nghiêm, thật đáng yêu thích. Lại vào một thời khác, thấy chúng hư hoại, mọi vẻ đẹp đẽ hầu như không còn. Thấy sự ấy rồi liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự y phục biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy vô số y phục, một thời mới may, một thời đã cũ, hoại, một thời tươi đẹp, một thời cấu bẩn. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát các vật dụng trang sức biến dị, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy các vật dụng trang sức, một thời chưa thành, một thời đã thành. Một thời bền chắc, một thời bị hư hoại. Thấy sự ấy rồi, liền dấy khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự ca múa vui vẻ hiện có biến dị, tánh là vô thường? Tức là do quán thấy sự ca múa, kỹ nhạc nơi hiện tại có vô số âm khúc lên xuống sai khác, có rồi liền mất. Thấy sự ấy rồi, liền dấy



khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự trang điểm bằng hương xoa hương xông hiện có biến dị, tánh là vô thường? Đó là trước quán thấy vô số hương xoa tươi đẹp thơm ngát. Về sau, thấy chúng khô cần, tàn tạ. Thấy sự ấy rồi bèn dấy khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự các vật dụng nuôi sống biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là quán thấy chúng chưa tạo, đã tạo, thành tựu, hư hoại, trước sau biến dị. Thấy sự ấy rồi, liền dấy khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự ánh sáng biến dị, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy vô số ánh sáng, bóng tối sinh diệt biến dị. Thấy sự ấy rồi, bèn dấy khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự các nam nữ thừa hành hiện có biến dị, tánh là vô thường? Đó là quán thấy các sự việc kia hoặc suy hoặc thịnh, bền trụ không lâu. Thấy sự ấy rồi bèn dấy khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Như vậy, hết thấy các hành của sự bên ngoài, sáu thứ trước là sự được thấu nhận, mười thứ sau là sự của vật dụng nuôi thân. Nói tóm lại, nên biết tánh của chúng đều là vô thường. Vì sao? Vì hình tướng chuyển biến hiện có thể thấy được. Do các sự việc như trước đã nêu, các hành biến dị hiện thấy với sức tác ý tăng thượng, đối với các sự trong ngoài, như chỗ ứng hợp của chúng, do hành biến dị quán xét tất cả là tánh vô thường. Vì nhân duyên ấy, nên đối với tánh vô thường của các thứ biến dị, hiện thấy không chống trái, không do duyên khác, không phải do kẻ khác dẫn dắt. Theo niệm quan sát, xét kỹ, quyết định. Tức do nhân duyên được nêu bày như thế, nên gọi là tác ý tăng thượng của việc hiện thấy.

Lại do sức tác ý tăng thượng của việc hiện thấy như vậy, nên quán xét về tánh vô thường của mọi biến dị rồi, các sắc hành kia tuy lại hiện thấy, nhưng nơi sát na sinh diệt, diệt hoại, vô thường, vì vi tế nên hiện không đạt được. Dựa vào tác ý tăng thượng của sự hiện thấy nên chánh thức tỷ độ (so sánh). Tỷ độ như thế nào? Đó là các hành kia chính là có sát na sinh diệt, thì sự diệt hoại mới có thể xảy ra, có trước sau biến dị, chẳng phải do trụ như vậy mà có biến dị được. Do đó các hành tất phải có sát na sinh diệt, do các duyên kia hòa hợp mà có, như vậy như

vậy các hành được sinh, sinh rồi không chờ nhân duyên diệt hoại, mà tự nhiên diệt hoại. Như thế, nhân duyên biến dị hiện có, có thể khiến cho các hành chuyển biến sinh khởi. Đây là nhân duyên sinh khởi biến dị, chẳng phải là nhân duyên của các hành diệt hoại. Vì sao? Vì do các hành kia cùng với nhân duyên diệt hoại hiện thấy của thế gian, cùng diệt hoại rồi, sau không sinh khởi tương tự, có thể đạt được. Chẳng phải tất cả các hành kia hoàn toàn không sinh khởi. Hoặc có các hành đã diệt hoại rồi, tất cả sự sinh khởi hoàn toàn không thể đạt được. Như đun nước, sau cùng tất cả thấy đều tiêu tận. Hỏa tai thiêu đốt khí thế gian rồi, đều không còn tro tàn, cho đến các hình ảnh còn lại cũng không thể có được. Nhân duyên kia cũng vậy. Càng về sau lần lượt giảm dần đến hết. Sau cùng, tất cả đều không còn gì. Không do lửa kia tạo sự việc như vậy. Vì thế, biến dị là do tám thứ nhân duyên đã nói ở trước, khiến chuyển biến sinh khởi, tự nhiên diệt hoại. Như vậy, lực tác ý của Tỷ độ, do hành diệt hoại, nên đối với sát na sinh diệt, diệt hoại vô thường của các hành kia mà đạt được quyết định.

Nơi sự như thế đạt được quyết định rồi, lại đối với đời khác, các hành sinh khởi không phải là chỗ hiện thấy, nên chính thức tỷ độ. Tỷ độ như thế nào? Đó là các hữu tình hiện có vô số sai biệt có thể thấy được, hoặc hình sắc tốt hoặc hình sắc xấu, hoặc tộc họ trên, hoặc tộc họ dưới, hoặc tộc họ giàu, hoặc tộc họ nghèo, hoặc là tông môn lớn, hoặc là tông môn nhỏ. Hoặc thọ mạng dài, hoặc thọ mạng ngắn. Ngôn ngữ hoặc có uy tín hoặc không có uy tín. Hoặc tánh là lợi căn, hoặc tánh là độn căn. Tất cả hữu tình sai biệt như vậy, nhất định là do sự tạo nghiệp có sai biệt, mới có thể thành lập, chẳng phải là không tạo nghiệp. Sắc loại sai biệt của hữu tình như vậy, nhất định là do chỗ tạo nghiệp thiện bất thiện của đời trước, với vô số phẩm loại tăng trưởng. Do nhân duyên kia, nên đối với sự sinh khởi sai biệt của tự thể nơi hiện tại, không nên cho là Tự tại biến hóa làm nhân. Vì sao? Vì nếu nói Tự tại biến hóa làm nhân sinh ra các hành, thì các hành được sinh ấy là chỉ dùng vị Tự tại kia làm duyên, hay là đợi các duyên khác, như vậy Tự tại mới có thể biến hóa. Nếu chỉ dùng vị Tự tại kia làm duyên, tức là các hành cùng với vị Tự tại kia phải cùng là vốn có, đâu cần lại sinh. Nếu nói trước có thể tánh tự tại, sau đó các hành sinh, tức là các hành không chỉ dùng vị Tự tại kia làm duyên sinh khởi. Nếu nói vị Tự tại kia theo chỗ mong muốn của mình, dụng công cầu nguyện mới có thể tạo tác, biến hóa, vì thế cũng dùng sự mong muốn làm nhân duyên, chẳng phải chỉ là tự tại. Nếu vậy, thì sự mong muốn ấy là có nhân chẳng, là không nhân chẳng?

Nếu nói có nhân, tức dùng vị Tự tại để làm nhân, đây tức đồng với sai lầm đã nêu ở trước, không hợp với đạo lý. Nếu cho sự mong muốn ấy lại có nhân khác, tức là như muốn dụng công cầu mong lìa ngoài tự tại, có pháp khác làm nhân. Như thế, tất cả các hành cũng nên đều dùng các pháp khác làm nhân, đâu cần vọng cho là không dùng tự tại. Do lực tác ý tăng thượng của những tỷ độ như vậy, nên đối với các hành sinh khởi của đời khác đã đạt được quyết định. Như thế, lược do ba thứ lực tác ý tăng thượng, nên tầm tư quan sát về các hành trong ngoài, tánh là vô thường. Đó là lực tác ý tăng hượng của sự tin tưởng thanh tịnh, lực tác ý tăng thượng của sự hiện thấy, lực tác ý tăng thượng của sự tỷ độ, nên đối với chỗ đã nêu ở trước, có thể tùy thuận tu năm hành vô thường rồi, biện giải về hai hành biến dị, diệt hoại.

Thế nào là lại do hành biệt ly, nên quán về tánh vô thường? Đó là dựa vào hai sự biệt ly trong ngoài, nên biết các hành là tánh vô thường.

Dựa vào tánh biệt ly vô thường bên trong: Đó là như có một hữu tình trước là chủ kẻ khác, chẳng phải là nô bộc, chẳng phải là kẻ sai bảo, nên có thể tự thọ dụng, có thể sai bảo kẻ khác làm các sự việc. Về sau, người ấy thối thất tánh chủ, không phải là tánh nô bộc bị sai khiến, nhưng có thể chuyển thành tánh nô bộc, bị sai khiến của kẻ khác. Đối với tánh chủ, được gọi là tánh biệt ly, vô thường.

Dựa vào tánh biệt ly vô thường bên ngoài: Đó là hữu tình kia hiện tiền có của cải, vật dụng, châu báu, trước chưa biến dịch, chưa là biệt ly, vô thường, diệt hoại. Thời sau, bị vua quan, giặc trộm không yêu thích và chung của cải v.v... cướp đoạt. Hoặc do phần gia hạnh của tạo ác hoại mất. Hoặc tạo phương tiện cần tìm nhưng không thể đạt được. Các loại như vậy, nên biết, đó gọi là do hành biệt ly nên quán về tánh vô thường.

Thế nào là lại do hành pháp tánh, nên quán về tánh vô thường? Đó là, tức hiện có biến dịch vô thường, diệt hoại vô thường, biệt ly vô thường, nên đối với đời hiện tại vẫn chưa hội hợp, nơi đời vị lai sẽ có pháp tánh. Thông đạt đúng như thật về các pháp như vậy, nên nơi đời vị lai sẽ có pháp tánh. Các loại như thế gọi là thông đạt về pháp tánh vô thường.

Thế nào là lại do hành hợp hội nên quán về tánh vô thường? Nghĩa là, tức do biến dị vô thường, diệt hoại vô thường, biệt ly vô thường như vậy, nên đối với những hợp hội hiện tiền của đời hiện tại, đều thông đạt đúng như thật về các hành như vậy nơi các thứ hợp hội kia. Các loại như

vậy gọi là thông đạt về hợp hội vô thường. Hành giả đối với năm tánh vô thường của các hành trong ngoài như vậy, do năm thứ hành, như chỗ ứng hợp của chúng, tác ý tu tập, tu tập nhiều, nên đạt được quyết định. Như thế, do đạo lý chứng thành cùng tu tập tăng thượng, nên nơi hành vô thường đạt được quyết định rồi, từ đấy hướng nhập không gián đoạn vào hành khổ, tác ý tư duy, các hành như vậy đều là vô thường. Là vô thường nên quyết định phải có pháp tánh sinh. Các hành như thế đã là pháp sinh, tức có sinh khổ. Đã có sinh khổ, nên biết cũng có lão bệnh tử khổ, oán ghét gặp nhau khổ, ái biệt ly khổ, cầu không được khổ. Như vậy, lại do hành không đang yêu thích, nên hướng nhập hành khổ. Như thế, lại đối với hữu lậu, hữu thủ, có thể thuận theo lạc thọ trong tất cả uẩn là do hành trói buộc, hướng nhập hành khổ. Vì sao? Vì do đối với xứ kiết như ái v.v... sinh kiết như ái v.v... đối với xứ phược là tham v.v..., sinh khởi phược là tham v.v... nên có thể chiêu tập khối thuần là khổ lớn của sinh lão bệnh tử ưu bi v.v... Như vậy, lại đối với hữu lậu, hữu thủ thuận theo phi khổ lạc trong tất cả uẩn, là do hành không an ổn, hướng nhập hành khổ. Vì sao? Vì hữu lậu, hữu thủ thuận theo phi khổ lạc nơi tất cả các uẩn, với những thô trọng cùng hiện hành với chủng tử của khổ lạc, là chỗ theo đuổi thuộc khổ khổ, hoại khổ, không giải thoát. Tất cả đều là pháp vô thường, diệt hoại. Hành giả như vậy, có thể tùy thuận các hành của lạc thọ cùng trong lạc thọ. Do hành trói buộc (kiết phược) hướng nhập hoại khổ, nên có thể tùy thuận các hành của khổ thọ cùng trong khổ thọ. Do hành không đáng yêu thích hướng nhập khổ khổ, nên có thể tùy thuận nơi các hành không khổ không lạc, cùng trong không khổ không lạc thọ, do hành không an ổn hướng nhập hành khổ. Như thế là do lực tăng thượng của các hành trói buộc, hành không đáng yêu thích, hành không an ổn, nên ở trong ba thọ nêu bày như vậy: Các thọ hiện có thấy đều là khổ. Như vậy gọi là do tác ý của hành vô thường nên trước hết là hướng đến hành khổ. Lại khởi niệm: Ta nay ở đây chỉ có các căn, chỉ có cảnh giới, chỉ có từ chúng sinh ra các thọ, chỉ có tâm ấy, chỉ có giả gọi là pháp của ngã, ngã sở, chỉ có kiến giải ấy, chỉ có giả lập, trong ấy có thể đạt được. Trừ các thứ ấy ra thì không có gì hoặc vượt hơn, hoặc tăng thêm.

Như vậy, chỉ có các uẩn có thể đạt được. Ở trong các uẩn không có chủ đề thường hằng, trụ vững, hoặc nói là ngã, hoặc nói là hữu tình. Hoặc lại ở đây nói là người sinh, người già, kẻ bệnh cùng kẻ chết. Hoặc lại nói chủ thể kia có thể tạo ra các nghiệp, có thể thọ nhận vô số quả cùng dị thực. Do các hành ấy đều là không, không có ngã. Như thế gọi

là do hành không sở đắc hưởng nhập hành không. Lại dấy khởi niệm: Các hành hiện có cùng với tự tướng của chúng và tướng vô thường, tướng khổ tương ưng. Các hành ấy tất cả cũng từ duyên sinh, không được tự tại. Không tự tại nên đều chẳng phải là ngã. Như thế gọi là do hành không tự tại nhập nơi hành vô ngã. Hành giả như vậy, dùng mười hành kia được gồm thâu nơi bốn hành. Lại dùng bốn hành để hiểu rõ về tướng của Khổ đế. Nghĩa là:

Hành vô thường gồm thâu năm hành:

1. Hành biến dị.
2. Hành diệt hoại.
3. Hành biệt ly.
4. Hành pháp tánh.
5. Hành hợp hội.

Hành khổ gồm thâu ba hành:

1. Hành trói buộc.
2. Hành không đáng yêu thích.
3. Hành không an ổn.

Hành không gồm thâu một hành: Hành không sở đắc.

Hành vô ngã gồm thâu một hành: Hành không tự tại.

Hành giả do mười hành ngộ nhập bốn hành. Lại do bốn hành, đối với tướng Khổ đế nhận biết rõ, đúng rồi, tiếp theo lại quan sát về Khổ đế như thế, do nhân gì, tập gì, khởi gì, duyên gì, do đoạn chúng nên Khổ đế cũng được đoạn trừ theo. Như thế, tức dùng bốn hành của Tập đế để biết rõ về tướng của Tập đế. Đó là biết rõ ái có thể dẫn đến khổ, gọi là nhân. Đã dẫn đến khổ rồi, lại có thể chiêu tập khiến khổ sinh khởi, nên gọi là Tập. Đã sinh khổ rồi, lại khiến khổ ấy phát khởi, nên gọi là khởi. Lại đối với chủng tử của các khổ của vị lai có thể thâu nhận, nên thứ lớp mời gọi, dẫn dắt các khổ tập, do đó gọi là duyên.

Lại có sai biệt: Nghĩa là, nhận biết rõ ái là nhân của thủ, lại có thể chiêu tập, tức do thủ ấy làm nhân cho hữu. Lại có thể sinh khởi, hữu là đứng đầu nơi sinh của vị lai.

Lại có thể dẫn phát do sinh làm duyên cho các pháp khổ của lão bệnh tử. Theo chỗ ứng hợp, nên biết được gọi là nhân tập khởi duyên. Lại có sai biệt. Nghĩa là nhận biết rõ đúng về tùy miên của phiền não phụ thuộc vào chỗ dựa là tùy miên của ái v.v... là nhân sinh của hậu hữu nơi đời vị lai. Lại nhận biết rõ đúng về các triền đã sinh kia, theo chỗ ứng hợp của chúng, là duyên của tập khởi. Nghĩa là ái của hậu hữu có thể mời gọi dẫn dắt, tức là ái của hậu hữu ấy nơi tập kia. Lại có thể phát

khởi hỷ tham cùng hành với ái. Hỷ tham này cùng hành với ái, lại cùng với nhiều thứ hỷ ái kia làm duyên. Như thế, nương dựa nơi tùy miên v.v... của ái cùng với ba thứ triền, có thể sinh hậu hữu, cùng có thể phát khởi các ái sai biệt. Vì thế gọi là nhân tập khởi duyên. Hành giả như vậy, do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của Tập đế. Đối với tướng Tập đế nhận biết rõ đúng rồi, lại nhận biết rõ đúng Tập đế như thế là dứt diệt hoàn toàn, nên gọi là diệt. Hết thấy Khổ đế đều tịch tĩnh hoàn toàn, nên gọi là tĩnh. Tức diệt, tĩnh này là bậc nhất, là tối thắng, là vô thượng, nên gọi là diệu. Là thường trụ, là xuất ly vĩnh viễn, nên gọi là lìa.

Như thế là hành giả, do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của Diệt đế. Nơi tướng của Diệt đế, nhận biết rõ đúng rồi, lại nhận biết rõ đúng về đạo đối trị chân thật. Nơi cảnh được nhận biết, có thể tìm cầu về nghĩa chung, có thể tìm cầu về nghĩa thật. Do nơi nghĩa tùy chuyển của bốn môn, nên hoàn toàn có thể hướng đến nghĩa Niết bàn, do đó gọi là đạo như hành xuất. Hành giả như thế, do bốn thứ hành, hiểu rõ về tướng của Đạo đế. Như vậy gọi là, nơi Bốn Thánh đế, tự hiện quán bên trong với tác ý biết rõ tướng.

Hành giả đã ở nơi tự nội hiện thấy về các uẩn như thế, dựa vào các đế lý với tâm tư không điên đảo, quán xét đúng rồi, lại đối với chỗ khác không đồng phần giới, không hiện thấy uẩn, nên quan sát tỷ độ (so sánh, tỷ lượng trong ba lượng). Nghĩa là các thứ hữu vi hữu lậu hiện có kia hiện bày khắp hết thấy xứ, hiện bày khắp tất cả loại, nơi tất cả thời đều có pháp như thế, đều theo lý như thế, đều có tánh như thế. Pháp diệt hiện có kia đều tịch tĩnh vĩnh viễn, thường trụ, an lạc. Đạo hiện có kia đều có thể đoạn trừ vĩnh viễn, xuất ly rốt ráo. Nên biết ở đây, hoặc nơi Tứ đế hiện thấy các uẩn, hoặc Tứ đế, đối với chỗ khác không đồng phần giới, không hiện thấy cảnh, đã hành tỷ độ, tức là chỗ dựa của chúng tử có thể sinh khởi pháp trí, loại trí. Lại, tức tác ý biết rõ tướng như vậy, nên biết cũng là nghe, xét kết hợp. Nếu người hành quán, ở trong các đế, thường xuyên quán xét đúng như vậy, nên do mười sáu hành, nơi Bốn Thánh đế, theo đạo lý chứng thành, đã được quyết định.

Lại, ở nơi tận cùng tánh hiện có của các đế, như tánh hiện có, vượt quá sự kết hợp của nghe (văn), xét (tư), tác ý hoàn toàn, phát khởi tu tập thắng giải. Đây tức gọi là tác ý thắng giải. Tác ý như vậy, chỉ duyên nơi cảnh của đế, toàn bộ tại định. Ở đây tu tập, tu tập nhiều, nên ở trong cảnh của hai đế Khổ, Tập, đạt được trí không biên vực. Do trí này nên nhận biết rõ về vô thượng, phát khởi thắng giải về vô thượng không biên vực. Do trí này nên nhận biết rõ về vô thượng, phát khởi thắng giải

về vô thường không biên vực. Như vậy là nhận biết rõ về khổ, phát khởi thắng giải về khổ không biên vực, phát khởi thắng giải về không, về vô ngã không biên vực, phát khởi thắng giải về hành ác không biên vực, thắng giải về việc đi đến cõi ác không biên vực, thắng giải về hưng suy không biên vực, cùng thắng giải về các khổ lão bệnh tử ưu bi không biên vực.

Ở đây, không biên vực: Nghĩa là sự lưu chuyển của sinh tử. Các pháp như vậy là vô biên, là không bờ, vực, cho đến sinh tử lưu chuyển không dứt. Luôn có chỗ nêu bày về các pháp như vậy, chỉ có sinh tử dứt diệt hoàn toàn, thì các pháp ấy có thể dứt diệt. Lại không có phương tiện dứt diệt nào khác. Tức ở trong pháp của các cõi, các nẻo sinh tử như thế, do hành vô nguyện, hành không chỗ dựa, hành chán lìa sâu xa, phát khởi thắng giải, siêng năng tinh tấn tu tập tác ý thắng giải. Lại đối với ý lạc tăng thượng của các cõi các đời như thế, sinh chán sợ sâu xa, cùng đối với Niết bàn thuận khởi một hành, tâm nguyện vui thích sâu xa. Hành giả nơi đêm dài sinh tử, tâm ấy yêu thích các thứ sắc thanh hương vị xúc của thế gian, vì các trần ấy đã tích tập, làm lớn thêm. Do nhân duyên này, nên tuy đối với Niết bàn tâm nguyện vui thích sâu xa, nhưng lại đối với cảnh giới ấy không thể hưởng nhập, không thể chứng tịnh, không thể an trụ, không thể thắng giải. Tâm kia thói chuyển đối với cảnh giới tịch tĩnh, thâm tâm chưa thể sinh mong muốn, kính ngưỡng. Do có nghi lo, nên tâm kia thường xuyên chán lìa, kính sợ, tuy đối với tất cả hai đế Khổ, Tập, thâm tâm cũng thường xuyên chán lìa, kính sợ, cùng đối với Niết bàn, thâm tâm luôn luôn phát khởi mong muốn, vui thích nhưng vẫn chưa thể hưởng nhập. Vì sao? Vì do hành giả vẫn còn có ngã mạn, những phẩm thô trọng có thể gây chướng ngại nơi hiện quán, tác ý tùy nhập có gián đoạn, không gián đoạn mà chuyển. Hành giả tác ý tư duy: Ta ở nơi sinh tử từng lưu chuyển lâu. Ta ở nơi sinh tử sẽ lại lưu chuyển. Ta đối với Niết bàn nên có thể hưởng nhập. Ta vì Niết bàn nên tu tập các pháp thiện. Ta có thể quán khổ chân thật là khổ. Ta có thể quán Tập chân thật là Tập. Ta có thể quán diệt đích thật là diệt. Ta có thể quán đạo đích thật là đạo. Ta có thể quán không chân thật là không. Ta có thể quán vô nguyện chân thật là vô nguyện. Ta có thể quán vô tướng chân thật là vô tướng. Các pháp như vậy là ta hiện có. Do nhân duyên này, nên tuy đối với Niết bàn thâm tâm nguyện mong, vui thích, nhưng tâm chưa thể hưởng nhập. Hành giả đã nhận biết rõ về ngã mạn như thế là chướng ngại rồi, nên có thể mau chóng dùng tuệ thông đạt dứt bỏ, tác ý tự nhiên tùy chuyển, điều phục hết thủy cảnh

được nhận biết bên ngoài, tác ý hướng nhập, hành theo tác ý, chuyên tinh không gián đoạn quán xét về Thánh đế, theo chỗ lúc tâm sinh khởi, lìa diệt, sinh tâm không gián đoạn tác ý quán xét, tạo phương tiện tuôn chảy không có gián đoạn.

Hành giả đã dùng tâm duyên tâm như vậy, chuyên tinh không đổi, nên có thể khiến tâm tùy nhập tác ý. Ngã mạn, các phẩm thô trọng chướng ngại nơi hiện quán đều không còn nơi để sinh. Như vậy, người siêng tu hạnh Du già, quán tâm tương tục, lần lượt biệt dị nối tiếp theo mới mà sinh, hoặc tăng hoặc giảm, tạm thời mà có, đột nhiên hiện tiền, trước sau biến dị, là tánh vô thường. Quán tâm tương tục, nhập sâu nơi thủ uẩn, đó là tánh khổ. Quán tâm tương tục, lìa pháp thứ hai, đó là tánh không. Quán tâm tương tục, từ các duyên sinh, không được tự tại, là tánh vô ngã. Như thế gọi là ngộ nhập Khổ đế.

Tiếp theo, lại quán xét tâm ấy, do ái làm nhân, do ái làm tập, do ái làm khởi, do ái làm duyên. Như thế gọi là ngộ nhập Tập đế.

Kế đến, lại quán xét tâm ấy tương tục, trạch diệt hiện có là tánh diệt vĩnh viễn, là tánh tĩnh vĩnh viễn, là tánh diệu vĩnh viễn, là tánh lìa vĩnh viễn. Như thế gọi là ngộ nhập Diệt đế.

Sau đây, lại quán xét tâm này tương tục, đối trị rốt ráo nơi đạo hướng diệt, là tánh chân đạo, là tánh chân như, là tánh chân hành, là tánh chân xuất. Như vậy gọi là ngộ nhập Đạo đế.

Như thế là từ trước đến nay chưa khéo quán xét. Nay khéo tác ý tạo phương tiện quán xét. Do tuệ vi diệu nên đối với Bốn Thánh đế có thể ngộ nhập đúng đắn. Tức nơi tuệ này thân cận tu tập, tu tập nhiều, nên chủ thể duyên, đối tượng duyên bình đẳng, chánh trí bình đẳng được sinh. Do trí ấy sinh nên có thể đoạn trừ ngã mạn hiện hành, các phẩm thô hiện có, là những chướng ngại cho việc yêu thích Niết bàn. Lại, đối với Niết bàn, thâm tâm đã nguyện mong vui thích, nên mau chóng có thể hướng nhập, tâm không thối chuyển, lìa các thứ lo sợ, ý lạc tăng thượng thâm nhận, thích thú.

Hành giả như vậy là đối với các Thánh đế thuộc về hạ nhãn, chủ thể duyên, đối tượng duyên bình đẳng, trí bình đẳng sinh, đó gọi là noãn. Trung nhãn gồm thân, chủ thể duyên đối tượng duyên bình đẳng, trí bình đẳng sinh, đó gọi là đảnh. Thượng nhãn gồm thân, chủ thể duyên đối tượng duyên bình đẳng, trí bình đẳng sinh, gọi là đế thuận nhãn. Hành giả đã đoạn trừ ngã mạn, các phẩm thô có thể gây chướng ngại như vậy, cùng đối với Niết bàn ý lạc tăng thượng thâm nhận, thích thú, nên có thể, càng về sau quán tâm, lìa bỏ gia hạnh hiện



có, trụ nơi tâm không gia hạnh, không phân biệt. Bấy giờ, hành giả tâm tợ như diệt nhưng chẳng phải là diệt thật, tợ không có đối tượng duyên, nhưng chẳng phải là không duyên. Lại, lúc này tâm ấy tịch tĩnh, tuy tợ xa lìa mà không phải là xa lìa. Lại, lúc này chẳng phải là chỗ ngăn che của ngũ nhĩ ngon giấc, chỉ có hành Xa-ma-tha phân minh không cao thấp. Lại có một loại ngu si tối tăm nơi chỗ che ngăn của ngũ nhĩ ngon giấc, trong trạng thái tâm tợ diệt nhưng chẳng phải diệt thật, khởi tăng thượng mạn, cho là hiện quán, đây không như vậy. Đã được hưởng tới tâm hiện quán như thế, không lâu sẽ nhập chánh tánh ly sinh. Tức nói phần vị tâm tịch tĩnh như vậy, một niệm sau cùng nơi tâm không phân biệt, từ đây, đối với lý của các Thánh đế đã quán ở trước, khởi tác ý bên trong không gián đoạn. Đây tức gọi là pháp Thế đệ nhất. Từ đó về sau, tâm xuất thế gian sinh, chẳng phải là tâm thế gian. Đây là biên vực, giới hạn sau cùng của các hành thế gian, do đó gọi là pháp Thế đệ nhất.

Từ đây, đối với lý của các Thánh đế đã quán ở trước, khởi tác ý bên trong không gián đoạn, tác ý không gián đoạn theo thứ lớp đã quán về các đế ở trước, hoặc là hiện thấy hoặc là không hiện thấy trong các Thánh đế, như thứ lớp có trí quyết định không phân biệt, trí hiện thấy sinh. Do trí ấy sinh, nên tất cả các thứ thô trọng của các phẩm phiền não, phụ thuộc chỗ dựa, hệ thuộc ba cõi, do kiến đạo đoạn trừ, thảy đều được đoạn trừ vĩnh viễn. Do việc đoạn trừ này, nếu là người trước đã lìa hết mọi tham của cõi Dục: Người ấy hiện thời đã nhập hiện quán về đế như vậy, đã đạt quả Bất hoàn. Người ấy so với tướng của người lìa dục đã nói ở trước, nên biết là không khác. Nhưng ở đây có chút ít sai biệt. Nghĩa là vị Bất hoàn sẽ thọ hóa sinh, tức ở nơi xứ kia sẽ Bát Niết bàn, không còn sinh trở lại thế gian này.

Nếu là người trước đã lìa gấp bội tham của cõi Dục: Người ấy hiện thời đã nhập hiện quán về đế như vậy, đã đạt được quả Nhất lai.

Nếu là người trước chưa lìa tham của cõi Dục: Người ấy hiện thời đã nhập hiện quán về đế như vậy rồi, các thứ thô trọng hoàn toàn dứt hẳn, đạt được quả Dự lưu.

Do trí của chủ thể nhận biết, cùng với cảnh của đối tượng nhận biết hòa hợp không trái nhau nơi quán xét hiện tiền, nên gọi là hiện quán. Đây cũng thành tựu rất nhiều tướng trạng. Nghĩa là chứng đắc hiện quán về đế như vậy, nên đạt được bốn trí. Đó là, ở trong tất cả các tác ý, hoặc hành hoặc trụ đều khéo suy cầu, nên đạt được trí chỉ là pháp, đạt được trí chẳng phải là đoạn, đạt được trí chẳng phải là thường, đạt được trí duyên sinh hành như huyễn sự. Nếu hành nơi cảnh giới, do mất

niệm, nên tuy các triền phiền não dấy khởi mãnh liệt, lúc vừa tác ý, thì mau chóng dứt trừ hẳn. Lại có thể hoàn toàn không rơi vào cõi ác, trọn không cố ý suy xét vượt trái với điều đã học, cho đến đối với loài bàng sinh cũng không hại mạng. Trọn không thối chuyển từ bỏ học xứ. Lại không thể tạo năm nghiệp vô gián. Nhận biết rõ khổ vui không phải là tự tạo tác, không phải là tha tạo tác, không phải là tự tha tạo tác, cũng không phải là phi tự tha không nhân mà sinh. Hoàn toàn không cầu thỉnh ngoại đạo làm thầy, cũng không đối với họ khởi tưởng về phước điền, nơi các Sa-môn, Bà-la-môn khác, trọn không nhìn xem sắc diện cùng miệng lưỡi của họ. Chỉ tự thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, chứng đạt ngọn nguồn của pháp, vượt mọi nghi hoặc, không do duyên khác. Đối với sự giáo hóa của bậc Đại sư, không phải do kẻ khác dẫn dắt. Ở trong các pháp đạt vô sở úy. Hoàn toàn không vọng cho các điềm lành của thế gian là thanh tịnh. Hoàn toàn không thọ nhận sinh trở lại nơi cõi thứ tám. Thành tựu đầy đủ về bốn thứ chứng tịnh.

Hành giả như vậy, từ pháp Thế đệ nhất trở về trước, gọi là tác ý thắng giải.

Nơi các Thánh đế đã hiện quán trở về sau, cho đến đoạn dứt vĩnh viễn tất cả phiền não do kiến đạo đoạn trừ, gọi là tác ý xa lìa.

Lại, từ đây về sau, vì muốn tiến tới đoạn trừ các hoặc do tu đạo đoạn, như đạo đã đạt được lại luôn tu tập, nên đoạn trừ hoàn toàn các phiền não phẩm thượng phẩm trung của cõi Dục rồi, đắc quả Nhất lai. Như các tướng hiện có của quả Dự lưu, nay ở đây, nên biết cũng vậy, nhưng có chút ít sai biệt. Nghĩa là nếu hành theo cảnh giới, đối với nơi chốn có thể thuận theo triền phiền não mãnh liệt của phẩm thượng, do mất niệm nên tạm khởi các triền phiền não yếu kém, liền có thể tác ý, mau chóng dứt bỏ. Chỉ một lần sinh trở lại thế gian này, liền có thể tạo được biên vực tận cùng của khổ một cách rất ráo, chứng đắc quả Bất hoàn và tướng Bất hoàn, như trước đã nói. Nên biết ở đây, do tác ý quan sát, đối với hết thảy hoặc do tu đạo đoạn trừ, thường xuyên quán xét đã đoạn, chưa đoạn, như đạo đã đạt được mà tu tập đúng đắn.

Lại, ở đây, thế nào gọi là tu tự tánh? Thế nào gọi là tu nghiệp? Thế nào gọi là tu phẩm loại sai biệt? Nghĩa là do tác ý của địa định, đối với pháp hữu vi thiện của thế gian, xuất thế gian, tu tập tăng trưởng, tạo tác không gián đoạn, hành trì cẩn trọng, khiến tâm tương tục, hợp với thể tánh kia, như vậy gọi là tu về tự tánh.

Nên biết tu nghiệp lược có tám loại. Đó là:

1. Có một loại pháp do tu nên đắc.

2. Có một loại pháp do tu nên tập.
3. Có một loại pháp do tu nên tịnh.
4. Có một loại pháp do tu nên trừ dứt.
5. Có một loại pháp do tu nên nhận biết.
6. Có một loại pháp do tu nên đoạn.
7. Có một loại pháp do tu nên chứng.
8. Có một loại pháp do tu nên xa lìa.

Nếu trước chưa đạt được pháp thiện thù thắng, tu tập khiến đạt được, gọi là tu nên đắc.

Nếu trước đã đạt được, khiến chuyển hiện tiền, gọi là tu nên tập.

Nếu trước đã đạt được, nhưng chưa khiến hiện tiền, song do tu tập theo chủng loại pháp kia, nên khiến hiện tiền, khiến chuyển sinh khởi thanh tịnh sáng rõ, gọi là tu nên diệnh.

Hoặc có mất niệm, pháp nhiệm hiện hành, do lực tu của pháp thiện khiến không nhận chịu pháp nhiệm ấy, mà đốc đoạn trừ, thay đổi gọi là tu nên trừ dứt.

Hoặc chưa sinh khởi pháp cần đoạn trừ, do sức tu pháp thiện, nên nhận biết rõ chúng như bệnh, thâm tâm chán hoại, nhận biết rõ chúng như ung nhọt, như mũi tên, gây chướng ngại cho nhận thức về vô thường khổ không, vô ngã, nên thâm tâm chán hoại, gọi là tu nên nhận biết. Nhận biết như vậy rồi, luôn tu tập, nên đạo vô gián sinh, đoạn các phiền não, gọi là tu nên đoạn.

Phiền não đoạn trừ rồi, chứng đắc giải thoát, gọi là tu nên chứng. như như tiến tới pháp thiện của địa trên. Như vậy như vậy khiến cho các pháp đã đoạn ở địa dưới chuyển thành phần xa, cho đến cứu cánh, gọi là tu nên xa lìa. Nên biết đó gọi là tám thứ tu nghiệp. Về tu phẩm loại sai biệt nên biết có mười một thứ:

1. Tu Xa-ma-tha.
2. Tu Tỳ-bát-xá-na.
3. Tu đạo thế gian.
4. Tu đạo xuất thế gian.
5. Tu đạo phẩm hạ.
6. Tu đạo phẩm trung.
7. Tu đạo phẩm thượng.
8. Tu đạo gia hạnh.
9. Tu đạo vô gián.
10. Tu đạo giải thoát.
11. Tu đạo thắng tiến.

Tu Xa-ma-tha: Đó là chín thứ hành khiến tâm an trụ như trước đã nói.

Tu Tỳ-bát-xá-na: Cũng như trước đã nêu.

Tu đạo thế gian: Nghĩa là nơi các địa dưới thấy tướng thô, nơi các địa trên thấy tướng tinh. Cho đến có thể hưởng tới xứ Vô sở hữu, tất cả đều lia dục.

Tu đạo xuất thế gian: Nghĩa là chánh tư duy về Khổ đúng là Khổ, Tập đúng là Tập, Diệt đúng là Diệt, Đạo đúng là Đạo. Do Thánh đạo vô lậu như chánh kiến v.v..., cho đến có thể hưởng tới xứ Phi tưởng phi tưởng, tất cả đều lia dục.

Tu đạo hạ phẩm: Nghĩa là do đầy nên có thể đoạn trừ phiền não hết sức thô nơi phẩm thượng.

Tu đạo trung phẩm: Nghĩa là do đầy nên có thể đoạn trừ phiền não nơi phẩm trung hiện có.

Tu đạo thượng phẩm: Nghĩa là do đầy nên có thể đoạn trừ phiền não nơi phẩm hạ hiện có sau cùng được đoạn trừ.

Tu đạo gia hạnh: Nghĩa là do đầy nên đoạn trừ phiền não phát khởi gia hạnh.

Tu đạo vô gián: Nghĩa là do đầy nên đoạn trừ phiền não một cách đúng đắn.

Tu đạo giải thoát: Nghĩa là do đầy nên hoặc đoạn vô gián chứng đắc giải thoát.

Tu đạo thắng tiến: Nghĩa là do đầy nên từ đó về sau tu pháp thiện thù thắng, cho đến chưa khởi phiền não của địa khác, có thể gia hạnh đối trị, hoặc lại chưa khởi hưởng đến vị cứu cánh.

Nên biết đó gọi là mười một thứ tu phẩm loại sai biệt.

Như thế, đối với người siêng năng tu tập: Nơi mọi thời gian, nên quán xét đúng về các phiền não hiện có, đã đoạn chưa đoạn. Nơi mọi thời gian đối với pháp đáng chán lia, thâm tâm chán lia. Nơi mọi thời gian đối với pháp đáng vui thích, thâm tâm vui, mộ. Như vậy gọi là tác ý gồm thâm lạc.

Hành giả tức đối với tác ý gồm thâm lạc ấy, thân cận tu tập, tu tập nhiều, nên có thể đoạn trừ vĩnh viễn mọi thứ phiền não do tu đạo đoạn.

Phần vị tu học sau cùng là Tam-ma-địa dụ như Kim cang sinh. Do Tam ma địa ấy sinh nên có thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não do tu đạo đoạn.

Hỏi: Do nhân duyên gì, Tam-ma-địa này gọi là Kim cang dụ?

- Đáp: Ví như Kim cang so với tất cả châu báu khác như mặt ni, chân châu, lưu ly, loa bối, bích ngọc, san hô v.v... thì Kim cang là cứng chắc hơn hết, có thể xuyên thủng, có thể hủy hoại các vật báu khác, còn các vật báu khác thì không thể xuyên thủng, hủy hoại Kim cang. Như vậy, Tam-ma-địa này, ở trong các Tam-ma-địa của bậc Hữu học, là kiên cố tối thượng, tối thắng, có thể hủy hoại tất cả phiền não hiện có, chẳng phải là các phiền não trên có thể che ẩn được. Do đó, Tam ma địa này gọi là Kim cang dụ.

Từ Tam-ma-địa Kim cang dụ này, vĩnh viễn loại trừ không gián đoạn các thứ chủng tử, các phẩm thô trọng của tất cả phiền não. Tâm ấy đối với hành giả đã giải thoát rốt ráo, đã chứng đắc chủng tánh thanh tịnh. Ở trong các phiền não đã được trừ diệt hoàn toàn, phát khởi tận trí. Do nhân đã dứt hết, nên quả khổ của vị lai rốt ráo không sinh. Tức ở trong đó khởi trí vô sinh.

Hành giả bấy giờ đã thành tựu quả A-la-hán, các lậu đã hết, việc làm đã xong, không còn tạo tác nữa, chứng đắc tự nghĩa, hết sạch các hữu kiết, đã phụng hành đúng đắn Thánh giáo của Như Lai, tâm khéo giải thoát, đã thành tựu đầy đủ mười pháp vô học. Đó là chánh kiến, chánh tư duy vô học, cho đến chánh giải thoát, chánh trí vô học. Ở trong các trụ và trong tác ý, có thể tùy theo tâm mình tự tại mà chuyển. Tùy chỗ lạc trụ, trong hoặc Thánh trụ, hoặc Thiên trụ hoặc Phạm trụ, tức có thể an trụ. Theo chỗ vui thích tư duy nơi chánh pháp hiện có, có thể dẫn phát các thứ nghĩa lợi thiện của thế gian và xuất thế gian.

Nói Thánh trụ: Đó là:

- Không trụ.
- Vô nguyện trụ.
- Vô tướng trụ,
- Định diệt tận trụ.

Nói Thiên trụ: Đó là các Tĩnh lự, các trụ vô sắc.

Nói Phạm trụ: Tức là Từ trụ, Bi trụ, Hỷ trụ, Xả trụ.

Lại, bấy giờ, đạt cứu cánh tốt cùng, rốt ráo không cấu nhiễm, chứng đắc biên vực tận cùng của phạm hạnh, lìa các vướng mắc, đã ra khỏi hầm sâu, đã vượt qua hào sâu, đã có thể hàng phục ngoại đạo y sư ca (ngoại đạo chấp thường, là bậc chân Thánh, diệt phá những ngọn cờ cao ngạo, đã đoạn năm chi, thành tựu sáu chi, hoàn toàn hộ trì bốn chỗ nương dựa, xa lìa trọn vẹn, độc nhất đế thật dứt bỏ mong cầu, tư duy thanh tịnh, thân hành khinh an, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, chánh hạnh đã lập, gọi là đã gần gũi bậc Trưởng phu

Vô thượng, thành tựu đầy đủ sáu pháp hằng trụ. Đó là mắt thấy sắc rồi không vui không buồn, an trụ nơi xả, chánh niệm chánh tri. Như vậy, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý rõ pháp, tất cả đều không vui không buồn, an trụ nơi xả, chánh niệm chánh tri. Hành giả lúc này, mọi sự lãnh nhận về tham dục, sân hận, ngu si thấy đều vĩnh viễn dứt hết không còn sót.

Do tham sân si đã vĩnh viễn dứt hết, nên không tạo các ác, theo gần các thiện, tâm như hư không, như nước sạch, như đàn hương diêu, được tất cả các vị Thiên vương cung kính cúng dường, trụ nơi cảnh giới Niết bàn Hữu dư y, vượt qua biển sinh tử, đã đến bờ giác, cũng gọi là nhận giữ thân mạng sau cùng. Phiền não, nghiệp trước dẫn đến các uẩn, tự nhiên diệt hết, nên các thủ khác đều không, nên không nối tiếp, ở nơi cảnh giới Niết bàn Vô dư y mà Bát-niết-bàn.

Ở đây, đều không có người Bát-niết-bàn, như nơi sinh tử không có kẻ lưu chuyển, chỉ có các khổ đã hoàn toàn dứt bật, tịch tĩnh, trong mát, vắng lặng. Chỉ có xứ ấy là tịch tĩnh hơn hết. Đó là trừ bỏ tất cả chỗ dựa nơi ái, là Niết bàn hoàn toàn vắng lặng, lìa hết dục. Nên biết trong ấy có các tướng như vậy.

Bí số A-la-hán, các lậu đã hoàn toàn dứt hẳn, không thể hành gần năm thứ nơi chốn:

1. Không thể cố ý sát hại mạng của các chúng sinh.
2. Không thể đối với vật không cho mà lấy.
3. Không thể hành phi phạm hạnh, học theo pháp dâm dục.
4. Không thể nhận biết mà nói dối.
5. Không thể nuôi chứa, thọ dụng các vật dụng nuôi sống thuộc về dục. Như vậy là không thể vọng cho khổ vui là tự tạo, tha tạo, tự tha

cùng tạo, chẳng phải là tự tha tạo, không nhân mà sinh.

Lại cũng không thể sợ hãi đối với tất cả sự việc không nên ghi chép. Lại cũng không thể sợ hãi đối với các hiện tượng như mây giăng, mưa dữ, sấm sét, chớp hiện. Nên biết ở đây, tác ý thuộc về định Kim cang dụ gọi là tác ý gia hạnh cứu cánh. Tác ý thuộc về quả A-la-hán tối thượng, gọi là tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh.

Do có nhiều thứ tác ý như vậy, nên dựa vào đạo xuất thế chứng đắc cứu cánh.

Như thế, tất cả gọi là địa Thanh-văn. Hết thấy đây là do bậc Chánh đẳng giác thuyết giảng. Tất cả Thanh-văn tương ứng với giáo pháp căn bản, cũng như hết thấy danh cú văn thân là chỗ tạo tác văn chương chú thuật căn bản của dị luận.

### Phần bản địa

#### Địa thứ 14: Địa Độc giác

Như vậy là đã nói về địa Thanh-văn.

Thế nào là địa Độc giác? Nên biết địa này có năm thứ tướng:

1. Chủng tánh.
2. Đạo.
3. Tập.
4. Trụ.
5. Hành.

Thế nào là chủng tánh của Độc giác? Nghĩa là do ba tướng nên nhận biết rõ đúng. Đó là:

Thứ nhất: Bản tánh nơi Độc giác, trước chưa chứng đắc quả vị Bồ đề Độc giác, thời có chủng tánh bạc trần. Do nhân duyên này, nên đối với nơi chốn huyền ảo, tâm không yêu thích. Đối với xứ tịch tĩnh, tâm luôn yêu thích.

Thứ hai: Bản tánh nơi Độc giác, trước chưa chứng đắc quả vị Bồ đề kia thì có chủng tánh bạc bì (tâm bị mỏng). Do nhân duyên này, nên đối với sự việc thuyết giảng chánh pháp tạo lợi ích cho hữu tình, tâm không yêu thích. Ở trong sự việc trụ nơi tịch tĩnh, ít tư duy, thâm tâm yêu thích.

Thứ ba: Bản tánh nơi Độc giác, trước chưa chứng đắc quả vị Bồ đề kia, thì có chủng tánh trung căn, là loại mạn hành. Do nhân duyên này, nên thâm tâm mong nguyện không thầy, không kẻ thù địch mà chứng Bồ đề.

Thế nào là Đạo của Độc giác? Nghĩa là do ba tướng nên nhận biết rõ đúng:

Đó là, có một loại hữu tình an trụ nơi chủng tánh Độc giác, trải qua trăm kiếp gặp Phật ra đời, gần gũi phụng sự, thành thực nối tiếp, chuyên tâm cầu chứng Bồ đề Độc giác. Nơi Uẩn thiện xảo, nơi Xứ thiện xảo, nơi Giới thiện xảo, nơi Duyên khởi thiện xảo, nơi Xứ phi xứ thiện xảo, nơi Đế thiện xảo siêng năng tu học, nơi đời vị lai có thể mau chóng chứng đắc Bồ đề Độc giác. Như vậy gọi là Đạo Độc giác thứ nhất.

Lại có một loại hữu tình, gặp Phật ra đời, gần gũi bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý. Đối với chỗ trước chưa khởi thuận phần quyết trạch, do thiện căn dẫn phát khiến khởi. Đó là noãn, đảnh, nhãn, nhưng không có năng lực, tức ở nơi pháp ấy sinh pháp chứng hiện quán, đắc quả Sa-môn. Lại tu Uẩn thiện xảo, tu Xứ thiện xảo, tu Giới thiện xảo, tu Duyên khởi thiện xảo, tu Xứ phi xứ thiện xảo, tu Đế thiện

xảo, nên nơi đời vị lai, có thể chứng pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn. Đó gọi là Đạo Độc giác thứ hai.

Lại có một loại hữu tình, gặp Phật ra đời, gần gũi bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, chứng pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn, nhưng không có năng lực, đối với “Nhất thiết chủng” cùng tột, là cứu cánh trọn vẹn, là lia cầu uest rớt ráo, chứng đắc quả A-la-hán, thuộc biên vực tận cùng của phạm hạnh. Lại tu Uẩn thiện xảo, tu Xứ thiện xảo, tu Giới thiện xảo, tu Duyên khởi thiện xảo, tu Xứ phi xứ thiện xảo, tu Đế thiện xảo, dựa nơi đạo xuất thế gian, nơi đời vị lai đạt cứu cánh cùng tột, lia cầu uest rớt ráo, chứng đắc quả A-la-hán, thuộc biên vực tận cùng của phạm hạnh. Đó gọi là Đạo Độc giác thứ ba.

Thế nào là Tập của Độc giác? Đó là như có một loại hữu tình, dựa vào Đạo Độc giác thứ nhất, đầy đủ trăm kiếp tu tập về tư lương, quá trăm kiếp rồi, sinh ra đời không gặp Phật, không thầy, tự có thể tu tập ba mươi bảy phần pháp Bồ đề, chứng đắc hiện quán, đắc quả Bồ đề Độc giác, đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não, thành A-la-hán.

Lại có một loại hữu tình, hoặc dựa vào Đạo Độc giác thứ hai, hoặc dựa vào Đạo Độc giác thứ ba, do nhân duyên ấy, sinh ra đời không gặp Phật, không thầy, tự có thể tu tập ba mươi bảy phần pháp Bồ đề, hoặc chứng pháp hiện quán, cho đến đắc quả A-la-hán, hoặc đắc quả Sa-môn, đạt cứu cánh tột cùng, lia cầu uest rớt ráo, chứng đắc biên vực cùng tận của phạm hạnh, chứng đắc quả A-la-hán tối thượng. Nên biết ở đây, do Tập thứ nhất, nên thành bậc Độc giác gọi là Lân giác dụ. Do Tập thứ hai, thứ ba, nên thành bậc Độc thắng, gọi là Bộ hành dụ.

Thế nào là Trụ của Độc giác? Đó là bậc Độc giác Lân giác dụ thuộc Tập thứ nhất, vui thích ở chốn rừng vắng, vui thích cư trú riêng lẻ, vui thích thắng giải sâu xa, vui thích quán xét đạo lý duyên khởi thâm diệu, vui thích an trụ nơi tác ý không, vô nguyện, vô tướng tối thượng. Hoặc bậc Độc thắng Bộ hành dụ thuộc Tập thứ hai, thứ ba, không cần phải hoàn toàn vui thích ở nơi chốn rừng vắng, hoặc vui thích cư trú riêng lẻ. Cũng vui thích về bộ chúng cùng trụ xen lẫn. Các tướng của trụ còn lại như Lân giác dụ.

Thế nào là Hành của Độc giác? Nghĩa là tất cả bậc Độc giác đều tùy thuận, dựa vào các xóm làng thôn ấp kia mà trụ, khéo hộ trì thân, khéo giữ gìn các căn, khéo trụ nơi chánh niệm, tùy nhập nơi các xóm làng thôn ấp kia, hoặc là khát thực, hoặc là cứu độ các hữu tình ngu tối, thấp kém, dùng thân để cứu giúp, không dùng ngôn ngữ. Vì sao? Vì chỉ hiện thân tướng, vì bậc Độc giác thuyết pháp không phát bằng lời, nên



thị hiện vô số cảnh giới thần thông, kể cả việc khiến cho kẻ có tâm phỉ báng sinh tâm quy kính. Lại, bậc Độc giác, tất cả nên biết xưa nay hoàn toàn là “thú tịch”.

